

Số: /TYC-BVNT

Khánh Hòa, ngày tháng 3 năm 2026

YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty

Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho danh mục mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá:

1. Đơn vị yêu cầu chào giá: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Cừ, P. Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Luân - Phòng VTTBYT – SĐT: 0979.666.904.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bản gốc nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, Đường Nguyễn Văn Cừ, P. Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ 15h ngày 17 tháng 3 năm 2026 đến trước 15h ngày 30 tháng 3 năm 2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 30/3/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục chào giá: Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận (phụ lục 01, 02).

2. Yêu cầu hồ sơ nhà thầu tham dự đính kèm các tài liệu sau:

- Thư chào giá hoặc bảng báo giá của nhà thầu theo mẫu tại phụ lục 03.

- Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa theo yêu cầu tại phụ lục 03.1 (Số phiếu tiếp nhận, số lưu hành, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu; Phân loại TBYT; Hồ sơ công bố tiêu chuẩn loại A, B; Mã kê khai giá). Công ty có thể gửi tài liệu sau thời hạn nhận báo giá trong vòng 5 ngày làm việc.

- Nhà thầu cung cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) hoặc giấy chứng nhận lưu hành (MA) các nước cho các nhóm danh mục tại phụ lục 01, 02 (nếu có).

- Catalogue của nhà sản xuất và kèm theo bản dịch sang tiếng việt của hàng hoá (đính kèm file trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: <https://muasamcong.mpi.gov.vn> hoặc <https://chaogiattbyt.moh.gov.vn> hoặc vtyt.bvninhthuan@gmail.com hoặc gửi trực tiếp).

- Quyết định trúng thầu hoặc hợp đồng trúng thầu có danh mục tương tự tại các Bệnh viện công lập bằng hình thức đấu thầu rộng rãi gần nhất (nếu có).

- Đối với danh mục hóa chất xét nghiệm tại *Phụ lục 02*: đề nghị Công ty báo giá đã bao gồm chi phí đặt máy xét nghiệm.

3. Địa điểm giao hàng: Kho Vật tư – Phòng VTTBYT, Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Không quá 03 ngày, kể từ ngày Bệnh viện đặt hàng.

5. Dự kiến thanh toán tiền hàng: Trong vòng 03 tháng kể từ khi nghiệm thu hàng hoá.

6. Các thông tin khác:

- Số lượng báo giá: 02 bản.

- Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có).

- Hạn dùng của hàng hoá: đề nghị Quý Công ty cung cấp hạn dùng tính từ ngày Bệnh viện nhận được hàng.

- Thư yêu cầu này được đăng tải trên các trang thông tin điện tử: benhvienninhthuan.vn; muasamcong.mpi.gov.vn; chaogiattbyt.moh.gov.vn.

- Ngoài phong bì, Quý công ty ghi rõ thông tin: **Tên đơn vị tham gia báo giá; Tên danh mục báo giá; Người nhận: Luân - Phòng VTTBYT – SĐT: 0979.666.904, Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận.**

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, VTTBYT₈

GIÁM ĐỐC

Lê Huy Thạch

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM, CHỮA BỆNH

(Đính kèm Thư yêu cầu số: /TYC-BVNT ngày /3/2026 của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận)

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
	Vật tư dùng trong can thiệp mạch não			
I	Phần số 1:			
1	Ống thông dẫn đường	Kích thước: Chiều dài khả dụng 80-100cm. Đường kính ngoài (đầu gần/xa): 8F/ 8F. Đường kính trong 0.088 inch/ Vùng xa linh hoạt dài 4cm. Chất liệu: Thép không gỉ. Có lớp phủ ưa nước. Đặc tính: Vùng xa linh hoạt 4cm kết hợp lớp phủ ưa nước.	Cái	20
2	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não	Kích thước: Đường kính ngoài đầu gần 6F. Đường kính trong 0.062 inch, 0.068 inch, 0.072 inch. Chiều dài: ≥ 132cm. Chất liệu: Nitinol. Phủ lớp ưa nước. Lớp lót PTFE. Có đoạn chuyển đổi nhiều vật liệu. Đặc tính: Công nghệ RED glide giúp tăng độ mượt mà, giảm ma sát khi di chuyển trong lòng mạch máu.	Cái	5
3	Khung giá đỡ hẹp mạch nội sọ	Kích thước: Đường kính: 3.0-5.0mm. Chiều dài: 15-30mm. Chất liệu: Nitinol. Đặc tính: Khung giá đỡ tự giãn nở dùng trong can thiệp điều trị hẹp mạch nội sọ. Thiết kế mắt stent bất đối xứng, tương thích tốt với thành mạch máu. Tương thích với ống thông giãn bóng đường kính 1.5-4.0mm, chiều dài bóng 8mm. Có thể thu hồi sau khi thả 90% chiều dài. Khung giá đỡ có 3 dấu căn quang mỗi đầu.	Cái	5
4	Bóng nong	Kích thước: Đường kính bóng nong: 1.5-4.0mm. Chiều dài bóng nong: 8-15mm. Đường kính trong: 0,0165 inch. Đường kính ngoài (đầu xa/gần): 2.7F/ 3.7F. Chiều dài ống thông: 150cm. Chất liệu: Bóng bán giãn nở. Đặc tính: Bóng nong có ống thông 2 lòng, dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. Áp lực danh nghĩa: 6 atm. Áp lực tối đa: 14 atm.	Cái	10
5	Ống thông hút huyết khối mạch máu não	Kích thước: Chiều dài làm việc: 160cm. Đường kính ngoài: đầu xa: 0.050 inch, đầu gần: 0.062 inch. Đường kính trong đầu xa 0.035 inch. Chất liệu: Thân ống được gia cố bệnh bằng thép không gỉ, độ cứng giảm dần từ đầu gần đến đầu xa. Lót toàn bộ chiều dài bằng lớp PTFE, có dấu căn quang dễ dàng quan sát.	Cái	10

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
6	Vi ống thông các cỡ	Kích thước: Đường kính trong: 0.0165 inch, 0.021 inch, 0.027 inch, 0.039 inch. Đường kính ngoài (đầu xa/gần): 1.9F/ 2.3F, 2.2F/ 2.6F, 3.0F/ 3.1F, 4.0F/ 4.1F. Chiều dài khả dụng: 125-167cm. Chất liệu: lớp phủ ái nước 2 lớp và gia công bền/cuộn xoắn, lớp phủ PTFE ở trong lòng ống. Đặc tính: Vi ống thông can thiệp mạch não. Đầu ống thẳng có thể định hình. Số đầu căn quang: 1 đầu với ống 0.027 inch, 0.039 inch; 2 đầu với ống 0.0165 inch, 0.021 inch.	Cái	10
7	Bình chứa huyết khối	Kích thước: Dung tích: 1000ml. Đặc tính: Bình chứa dung dịch hút huyết khối, gắn với máy bơm hút huyết khối. Có đầu kết nối với dây nối hút huyết khối. Có bộ lọc ngăn cản chất bẩn.	Cái	5
8	Dây nối với ống hút huyết khối	Đặc tính: Dây nối ống thông hút huyết khối dùng để nối ống thông hút huyết khối với máy bơm hút huyết khối. Là một phần của bộ ống hút huyết khối.	Cái	5
II	Phần số 2:			
1	Giá đỡ kéo huyết khối dạng chuỗi các khung lồng	Stent lấy huyết khối thiết kế dạng các khung lồng riêng lẻ. Có từ 3 đến 5 đoạn khung lồng hình cầu, đường kính từ 3-6mm, chiều dài từ 15-44mm. Độ phủ kim loại 25.4%/3mm mạch máu.	Cái	5
2	Vi ống thông các loại	Chất liệu PTFE, lớp ngoài phủ Hydrophilic. Có nhiều hình dạng đầu khác nhau: Đầu thẳng, 45 độ, 90 độ và hình chữ J. Đường kính trong gồm có: 0.017 inch, 0.021 inch và 0.027 inch, đường kính ngoài đầu gần là 2.4F, 2.5F, 3,1F; đường kính ngoài đầu xa là 1.7F, 2.0F và 2.6F. Chiều dài sử dụng là 150cm và 156cm. Có hai markers căn quang.	Cái	20
3	Dây dẫn can thiệp mạch não các loại	Dây dẫn can thiệp mạch máu não, chất liệu Nitinol- Stainless Hypbrid, lớp vỏ là PTFE, phủ Hydrophilic. Chiều dài khoảng 200cm trong đó chiều dài đầu xa là 40cm với lõi có chất liệu là Nitinol. Đường kính đầu gần 0.014 inch và đường kính đầu xa là 0.012 inch. Chiều dài đầu xa có thể uốn được là 1.4cm. Chiều dài căn quang là 3cm và 6cm.	Cái	20
4	Kìm cắt coil	Kìm cắt tách vòng xoắn kim loại đã được tích điện sẵn. Ấn duy nhất 1 nút trong vòng 0.75 giây để cắt 1 vòng xoắn, có tín hiệu bằng âm thanh và đèn báo đi kèm.	Cái	5
5	Vòng xoắn kim loại (coils) bít túi phình mạch não không phủ gel	Chất liệu Platinum. Có nhiều loại coil khác nhau: Xoắn ốc, phức hợp 3D, siêu mềm 2D, siêu mềm 3D,... Có 2 hệ thống coil 10 và coil 18, đường kính vòng xoắn từ 1-24mm, chiều dài coil từ 1-68cm. Tương thích với dụng cụ cắt coil bằng xung điện tích sẵn chạy bằng pin	Cái	5

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
III	Phần số 3:			
1	Bóng nong động mạch cảnh các cỡ	Chiều dài bóng 15, 20, 30 và 40mm; đường kính: 4.0-7.0mm. Hệ thống phân phối: RX. Chiều dài ống thông 80 và 135cm. Tương thích ống thông 6F cho tất cả các kích thước bóng và với dây dẫn ngắn nhất 130cm. Chất liệu bóng bền XCELON - trục hỗ trợ thuận nhỏ dần ở trong ống thông cho nâng cao khả năng đẩy và chống gãy gấp. Thân và bóng phủ kỵ nước cho giảm ma sát. Dây dẫn 0.014 inch cho dễ dàng đi qua tổn thương. Áp lực định danh 8 atm, Áp lực tối đa 14 atm cho tất cả các kích thước.	Cái	10
2	Ống thông can thiệp	Ống thông can thiệp chẩn đoán có các hình dạng chuyên cho mạch máu não, mạch máu tạng (gan, phổi, phế quản) và ngoại biên có nhiều dạng đầu: Simmons I, Simmons II, Simmons III, Vert, Cobra II, Cobra III, Liver, Liver RH, Mikaelsson. - Mức độ xoay cao. - Đầu xa ống thông được thiết kế linh hoạt. - Phần thân ống thông được đan bằng các sợi thép. - Tốc độ dòng chảy tối ưu. - Độ cản quang cao. - Kích thước: 5F, 6F. - Tương thích dây dẫn đến 0.038 inch (Maximum guidewire: 0.965mm). - Chịu được áp lực đến: 1.200 PSI (8.274 MPA). - Chiều dài: 70cm, 80cm, 100cm.	Cái	20
3	Bộ dụng cụ mở đường vào lòng mạch quay và mạch đùi vào mạch máu mềm	Bộ dụng cụ mở đường vào lòng mạch quay và mạch đùi gồm: Ống nong lòng mạch máu (Dilator); Ống thông mở đường vào lòng mạch quay và mạch đùi (Sheath introducer), Dây dẫn nhỏ (Mini guidewire), Kim chọc dò mạch máu. - Các kích thước: 5F, 6F, 7F, 8F, 9F. - Chiều dài: 11cm; 23cm; 45cm và 70cm.	Bộ	20
4	Đầu nối chữ Y	Đầu nối Y- Star dạng bấm hoặc vặn, đường kính trong van 9Fr, sử dụng trong thủ thuật chụp chẩn đoán và can thiệp mạch máu với cổng nối linh động giúp gắn thêm các kết nối phụ nhằm hỗ trợ tối đa trong quá trình phẫu thuật. Bộ kết nối chữ Y bao gồm: Đầu nối chữ Y, Torque, Kim dài 10cm, Dây truyền với khóa luer có 03 cổng, dài 25cm, 02 cổng nối linh động.	Cái	50
5	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu	Dây dẫn can thiệp mạch máu phủ lớp ái nước hydrophilic: - Cấu tạo: Nitinol. - Đường kính: 0.035 inch. - Có 05 kích thước chiều dài khác nhau: 45-180cm. - Có 06 loại đầu tip khác nhau: Angled, Straight, 1.5J, 2.0J, 3.0J, Beak.	Cái	20

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
IV	Phần số 4:			
1	Stent điều trị hẹp động mạch cảnh ngoài sọ	Chất liệu khung Elgiloy (CoCrNiMo). Thiết kế dạng cấu trúc Closed Cell (mắt lưới kín) Có thể thu stent lại sau khi đã bung ra được 50%. Chiều dài ống thông 135cm, đường kính: từ 6-10mm, chiều dài: từ 21-37mm, dài tối đa sau khi bung 62mm. Sheath tương thích 5-8F.	Cái	2
2	Lưới bảo vệ động mạch cảnh và ngoại biên	Đường kính 0.014 inch cho các mạch máu có đường kính khoảng từ 3.5-5.5mm. Lớp phủ PTFE, Đường kính vượt tổn thương khoảng 3.2F (1.1mm). Đầu xoắn, cuộn, cân quang. Chất liệu lưới lọc: Polyurethane, kích thước lỗ 110 micron giúp lọc tốt mảng xơ vữa. Vòng lọc chất liệu Nitinol, khả năng lọc 360 độ. Chiều dài dây dẫn 190, 300cm.	Cái	5
3	Dụng cụ đóng mạch máu	Các thành phần: Nút bung triển khai, Cổng quan sát, Hệ thống chỉ báo máu chảy ngược. Dây chỉ báo Nitinol đảm bảo vị trí đặt nút tắc cầm máu. Chất liệu nút tắc là sợi polyglycolic acid (PGA). Khả năng phân hủy sinh học, được hấp thụ hoàn toàn từ 60-90 ngày. Kích cỡ: 5-7F.	Cái	5
4	Dây dẫn can thiệp mạch máu thần kinh	Công nghệ độc quyền ACTONE vòng xoắn kép duy trì hình dạng đầu tip, phản hồi momen xoắn tốt. Lớp phủ SLIP-COAT, lớp polymer dài 170-180cm. Đường kính: 0.008 inch, 0.010 inch, 0.014 inch, 0.018 inch. Chiều dài khả dụng: 200cm, 300cm. Đầu tip: straight, round curve, angled 90.	Cái	10

**DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM
PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM, CHỮA BỆNH**

(Đính kèm Thư yêu cầu số: /TYC-BVNT ngày /3/2026 của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận)

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
I	Nhóm số 1: Hóa chất sử dụng cho hệ thống Real time PCR			
1	Bộ xét nghiệm định tính DNA các gen kháng kháng sinh carbapenem	Bộ xét nghiệm dùng để phát hiện sàng lọc các carbapenemase chính thuộc nhóm Ambler A,B và D chịu trách nhiệm kháng kháng sinh carbapenem. PCR master mix sẵn sàng sử dụng, chứa tất cả các thành phần phản ứng và dUTP/UNG giúp ngăn chặn nguy cơ nhiễm từ lần khuếch đại trước. Nguồn mẫu: mẫu phết trực tràng và khuẩn lạc vi khuẩn.	Test	1.000
2	Bộ xét nghiệm định tính DNA để phân biệt các gen kháng kháng sinh carbapenem và colistin	Bộ xét nghiệm dùng để xác định các carbapenemases Ambler A,B và D chính chịu trách nhiệm kháng kháng sinh carbapenem và gen kháng colistin. PCR master mix sẵn sàng sử dụng, chứa tất cả các thành phần phản ứng và dUTP/UNG giúp ngăn chặn nguy cơ nhiễm từ lần khuếch đại trước. Nguồn mẫu: mẫu phết trực tràng và khuẩn lạc vi khuẩn.	Test	1.000
3	Bộ xét nghiệm chỉ định cho tách chiết nucleic acid	Bộ xét nghiệm chỉ định cho tách chiết nucleic acid (DNA bộ gen, DNA vi khuẩn, DNA/RNA virus) từ đa nguồn mẫu (huyết tương, huyết thanh, các dịch cơ thể không tế bào, nước tiểu, các dạng mẫu phết, mẫu máu tươi/đông lạnh, dịch nổi mẫu phân, vi khuẩn nuôi cấy, BAL, mẫu đờm và dịch nổi tế bào nuôi cấy) bằng công nghệ hạt từ trên hệ thống tách chiết. Độ tinh sạch DNA hệ gen thu được từ mẫu máu: 1.8 - 2.1 (A260:A280). Thông số kỹ thuật: hiệu suất thu hồi 3-6 µg nucleic acids đối với mẫu máu toàn phần có chứa lượng tế bào leukocyte từ 3×10^6 đến 1×10^7 tế bào/ml. Có Carrier RNA hỗ trợ tách chiết. DNA tách chiết ứng dụng cho kỹ thuật PCR, NGS, các phương pháp lai và HLA.	Test	2.400
II	Nhóm số 2: Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch			
1	Thuốc thử xét nghiệm định tính và định lượng kháng thể IgG kháng Rubella	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng và phát hiện định tính các kháng thể IgG kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương. Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	75
2	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính và định lượng kháng thể IgG kháng Rubella	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng và phát hiện định tính các kháng thể IgG kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương. Hộp/ $\geq (6 \times 4\text{ml})$	Hộp	10

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
3	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính và định lượng kháng thể IgG kháng Rubella	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng và phát hiện định tính các kháng thể IgG kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương. Hộp/ $\geq (3 \times 8\text{ml})$	Hộp	10
4	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng virus Rubella	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể IgM kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương. Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	75
5	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng virus Rubella	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể IgM kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương. Hộp/ $\geq (1 \times 4\text{ml})$	Hộp	10
6	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng virus Rubella	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể IgM kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương. Hộp/ $\geq (2 \times 4\text{ml})$	Hộp	10
7	Thuốc thử xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng CCP	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang bán định lượng kháng thể tự miễn IgG đặc hiệu với peptid citrullin hoá dạng vòng (cyclic citrullinated peptide - CCP) trong huyết thanh hay huyết tương. Hộp/ ≥ 100 test	Hộp	25
8	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng CCP	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang bán định lượng kháng thể tự miễn IgG đặc hiệu với peptid citrullin hoá dạng vòng (cyclic citrullinated peptide - CCP) trong huyết thanh hay huyết tương. Hộp/ $\geq (6 \times 4.3\text{ml})$	Hộp	8
9	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng CCP	Hoá chất hiệu chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang bán định lượng kháng thể tự miễn IgG đặc hiệu với peptid citrullin hoá dạng vòng (cyclic citrullinated peptide - CCP) trong huyết thanh hay huyết tương. Hộp/ $\geq (2 \times 7\text{ml})$	Hộp	8
III	Nhóm số 3: Hóa chất dùng trong sàng lọc sơ sinh			
1	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: Bệnh thiếu men G6PD	Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu G6PD dùng cho sàng lọc sơ sinh Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm Giới hạn phát hiện (LoD) ≤ 0.4 U/g Hb Độ tuyến tính của xét nghiệm có giá trị tới khoảng 7.8 U/g Hb Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang	Test	21.120
2	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: Bệnh thiếu năng giáp trạng bẩm sinh	Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu hTSH dùng cho sàng lọc sơ sinh Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm Áp dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang phân lập theo thời gian Độ nhạy $\leq 2 \mu\text{U/ml}$ máu	Test	21.120

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
3	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: Bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh	Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu 17 α -OHP dùng cho sàng lọc sơ sinh Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm Áp dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang phân lập theo thời gian	Test	21.120
4	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: bệnh Galactosemia	Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu GALT dùng cho sàng lọc sơ sinh Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang Giới hạn phát hiện (LoD) ≤ 1.6 U/g Hb Độ tuyến tính của xét nghiệm có giá trị tới khoảng 11 U/g Hb	Test	21.120
5	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: Bệnh PKU (Phenylketon niệu)	Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu phenylalanine dùng cho sàng lọc sơ sinh Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang Độ nhạy phân tích ≤ 0.4 mg/dL Độ tuyến tính của xét nghiệm có giá trị tới khoảng 908 μ mol/L	Test	21.120
6	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: bệnh thiếu men Biotinidase	Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu Biotinidase dùng cho sàng lọc sơ sinh Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm Giới hạn mẫu trắng (LoB) ≤ 12 U; Giới hạn phát hiện (LoD) ≤ 16 U Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang	Test	21.120
7	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: bệnh xơ nang	Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu IRT dùng cho sàng lọc sơ sinh Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm Giới hạn mẫu trắng (LoB) ≤ 0.43 ng/mL máu Áp dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang phân lập theo thời gian	Test	21.120
8	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh và người trưởng thành: Các bệnh liên quan đến huyết sắc tố	Xét nghiệm được dùng để phát hiện các huyết sắc tố (Hemoglobin) bình thường và các biến thể, nhằm hỗ trợ chẩn đoán các bệnh liên quan đến huyết sắc tố ở trẻ sơ sinh và người lớn Sử dụng mẫu máu khô trên giấy thấm, mẫu máu toàn phần và máu cuống rốn Sử dụng kỹ thuật điện di đẳng điện (IEF) Xét nghiệm có thể phát hiện ≤ 1.8 μ g hemoglobin trên mỗi dải tập trung với gel không nhuộm	Test	17.600
9	Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc tiền sản giật	Hóa chất sàng lọc tiền sản giật ở cả ba quý của thai kỳ Sử dụng mẫu huyết thanh mẹ Áp dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang phân lập theo thời gian Độ nhạy: Giới hạn mẫu trắng (LoB) ≤ 0.7 pg/mL; Giới hạn phát hiện (LoD) ≤ 3.0 pg/mL; Giới hạn định lượng (LoQ) ≤ 5.6 pg/mL	Test	5.184

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
10	Giấy thấm lấy mẫu máu khô	Sử dụng để thu thập mẫu máu khô cho sàng lọc sơ sinh, dùng cho chẩn đoán in vitro Có định dạng tiếng Việt Sử dụng thanh mã vạch Đường kính điểm máu khô: 9 - 10mm Cung cấp một bề mặt đồng nhất với 7 điểm (7 ô) thu máu khô trở lên Về năng suất: Thời gian thu 100 μ L mẫu máu từ $\leq$ 30 giây Được làm từ chất liệu 100% cotton và tuân theo tiêu chuẩn của CLSI (Viện tiêu chuẩn lâm sàng và xét nghiệm)	Cái	21.120
11	Kim chích máu	Tiệt trùng, dùng một lần để lấy máu Kích thước: 17G x 2mm hoặc 1.5mm x 2mm Chỗ nút nhấn: có bề mặt thoải mái để cho ngón tay dễ nhấn khi sử dụng/kích hoạt kim khi sử dụng Chỗ đầu kim có nắp bảo vệ dài, an toàn, dễ dàng tháo ra Thiết kế dạng chữ T dễ dàng cầm nắm khi thao tác	Cái	21.120

PHỤ LỤC 03
MẪU YÊU CẦU CHÀO GIÁ CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA NINH THUẬN

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng/nước sản xuất	Mã HS	Hạn dùng ($\geq$ tháng)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(9)*(10)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									
	Tổng cộng									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa)

2. Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí dịch vụ liên quan.

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày.... tháng....năm 2026

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
 (Ký tên, đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC 03.1**MẪU ĐÍNH KÈM TÀI LIỆU THÔNG SỐ KỸ THUẬT HÀNG HÓA CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA NINH THUẬN*****Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận***

Trên cơ sở yêu cầu cung cấp các tài liệu đính kèm báo giá của Bệnh viện Đa khoa Ninh Thuận, chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* cung cấp như sau:

Stt	Stt theo thư yêu cầu chào giá	Danh mục thiết bị y tế	Tên thương mại	Mã sản phẩm	Phân loại TBYT	Hồ sơ công bố tiêu chuẩn (Loại A, B)	Số lưu hành, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu (Loại C, D)	Ghi chú
1								
2								
...								

...., ngày.... tháng....năm 2026

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))